

Bản án số: 45/2026/HS-ST
Ngày: 21-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Tám và ông Nguyễn Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – H, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Như Q; sinh ngày 24/5/1997 tại thành phố H; Căn cước công dân số 046097005647, cấp ngày 28/9/2021, nơi thường trú: Thôn T, xã C - L, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Trương Thị X, sinh năm 1972; có vợ là Huỳnh Thị Hà T, sinh năm 1996; con: Có 03 người con, cháu lớn nhất sinh năm 2015, cháu nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Phan Văn M; sinh ngày 03/5/2002 tại thành phố H; căn cước công dân số 046202020654, cấp ngày 14/02/2022; nơi thường trú: Thôn T, xã C - L, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn A, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

2. Anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn A, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

3. Anh Phan Văn D, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố H, vắng mặt.

4. Anh Đào T1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn P, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn T, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn T, xã C - L, thành phố H, vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn A, xã C - L, thành phố H, vắng mặt.

8. Anh Trịnh Văn Đ1, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn P, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

9. Anh Đặng Nhật Q1, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn T, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

10. Anh Trịnh B, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn P, xã C - L, thành phố H, vắng mặt.

11. Anh Ngô Đức T3, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn T, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

12. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn P, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

13. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn P, xã C- L, thành phố H, vắng mặt.

14. Anh Nguyễn Xuân T4, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn A, xã C-L, thành phố H, vắng mặt.

15. Anh Hồ H3, sinh năm 2006; địa chỉ: Thôn A, xã C-L, thành phố H, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn A, xã C- L, thành phố H, có mặt.

2. Anh Lê Phước S1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn T, xã C - L, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4/2025, khi đang hoạt động kinh doanh cầm đồ tại Cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ “Quý 79” ở thôn A, xã C - L, thành phố H;

Nguyễn Như Q nhận thấy một số người dân trên địa bàn có nhu cầu vay tiền với thủ tục nhanh chóng, nên đã nảy sinh ý định cho vay lấy lãi cao để thu lợi. Đến tháng 8/2025, Q thuê Phan Văn M (Hợp đồng bằng miệng, tiền lương 7.000.000 đồng/tháng) để giúp Q thực hiện việc cho vay. Q giao cho M làm các công việc như giữ giấy ghi nợ, nhắc nợ và thu tiền. Khi người dân có nhu cầu vay (thường là quen biết với Q hoặc Min) sẽ gặp trực tiếp Q để thỏa thuận và viết giấy vay mượn tiền (lần đầu) hoặc thông qua mạng xã hội Zalo để vay lần sau. Q sẽ tạo lập một nhóm Zalo gồm tài khoản Zalo tên “Luxury” được đăng ký bằng số điện thoại di động 0905420607 của Q; tài khoản Zalo có tên “Min Khênh” được đăng ký bằng số điện thoại di động 0988818471 của M và người vay để xác nhận việc chuyển, nhận tiền, ghi nhớ hợp đồng vay và nhắc nợ, sau đó ghi ra sổ để thống kê. Hình thức mà các bị cáo sử dụng cho vay là vay đứng (là hình thức cho vay tiền mà khi tới kỳ hạn đóng tiền người vay không cần trả tiền gốc, mà chỉ đóng tiền lãi tương ứng của kỳ vay đó; chỉ tới khi tới kỳ cuối cùng của khoản vay, người vay mới phải trả tiền lãi cuối kỳ với tổng gốc đã vay); không thu tiền phí hồ sơ. Số tiền các bị cáo cho vay dao động từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/ 1 lần. Lãi suất mà Q và M áp dụng cho vay là 20%/tháng (tương ứng 240%/năm) và trả lãi theo tháng. Khi cho vay, các bị cáo sẽ trừ (cắt) tiền lãi tháng đầu và đưa tiền gốc còn lại cho người vay. Việc trả nợ (lãi, gốc) bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T5) số 19035200191012 và tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 (MB) số 0935544579 của Q; hoặc chuyển vào tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T5) số 19071705185013 của M1.

Với cách thức cho vay như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2025 đến ngày 01 tháng 12 năm 2025; Nguyễn Như Q đã sử dụng số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) cùng Phan Văn M cho 15 người vay tiền với 32 lần vay; mức lãi suất cho vay 20%/tháng (tương ứng với 240%/năm), gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Ngọc H2 vay 01 lần vào ngày 29/9/2025, số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu được là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định 20%/năm (1,666%/tháng) là 166.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.833.400 đồng. Anh H2 chưa trả tiền gốc cho Q.

2. Anh Phạm Hữu Đ vay 05 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 02/8/2025, anh Đ vay 2 lần số tiền 4.000.000 đồng; lần 3 ngày 04/8/2025: 2.000.000 đồng; lần 4 ngày 16/8/2025: 1.000.000 đồng; lần 5 ngày 06/9/2025: 3.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu được là 5.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 449.820 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.950.180 đồng. Anh Đ chưa trả tiền gốc.

3. Anh Phan Văn D vay 03 lần với tổng số tiền 17.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1 ngày 23/7/2025: 10.000.000 đồng; lần 2 ngày 10/8/2025: 5.000.000 đồng; lần 3 ngày 30/8/2025: 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu được là 13.200.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.099.560 đồng, thu lợi bất chính số tiền 12.100.440 đồng. Anh D chưa trả tiền gốc.

4. Anh Đào T1 vay 02 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1 vào ngày 25/10/2025 vay số tiền 2.000.000 đồng; lần 2 vào ngày 18/11/2025 vay số tiền 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu được là 1.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 116.620 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.283.380 đồng. Anh T1 đã trả cho Q số tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng chưa trả.

5. Anh Nguyễn Văn R vay 03 lần với tổng số tiền 11.000.000 đồng (lần 1 ngày 04/8/2025: 5.000.000; lần 2 ngày 12/9/2025: 5.000.000 đồng; lần 3 ngày 28/11/2025: 1.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu được là 4.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 383.180 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.216.820 đồng. Anh R đã trả cho Q số tiền gốc 3.000.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng chưa trả.

6. Anh Nguyễn Văn N vay 02 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng (lần 1 ngày 08/5/2025: 5.000.000 đồng; lần 2 ngày 15/8/2025: 2.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu được là 7.200.000 đồng, tiền lãi theo quy định là 598.860 đồng, thu lợi bất chính số tiền 6.601.140 đồng. Anh N chưa trả tiền gốc cho Q.

7. Anh Nguyễn Văn T2 vay 03 lần, với tổng số tiền 10.000.000 đồng (lần 1 ngày 27/5/2025: 6.000.000 đồng; lần 2 ngày 15/8/2025: 1.000.000 đồng; lần 3 ngày 13/9/2025: 3.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu được là 6.500.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 541.450 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.958.550 đồng. Anh T2 đã trả cho Q số tiền gốc 5.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng chưa trả.

8. Anh Trịnh Văn Đ1 vay 01 lần vào ngày 25/8/2025, các bị cáo đã cho anh Đ1 vay số tiền 5.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu được là 3.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 249.900 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.750.100 đồng. Anh Đ1 chưa trả số tiền gốc 5.000.000 đồng cho Q.

9. Anh Đặng Nhật Q1 vay 01 lần vào ngày 02/8/2025 với số tiền 5.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu được là 3.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 249.900 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.750.100 đồng. Anh Q1 chưa trả số tiền gốc 5.000.000 đồng cho Q.

10. Anh Trịnh B vay 05 lần, với tổng số tiền 16.000.000 đồng, cụ thể như sau: Lần 1 vào ngày 09/8/2025: số tiền vay 5.000.000 đồng; lần 2 vào ngày 23/8/2025 số tiền vay 2.000.000 đồng; lần 3 và 4 ngày vào 17/9/2025 số tiền 7.000.000 đồng; lần 5 ngày 17/11/2025: 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu được là 4.200.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 349.860 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.850.140 đồng. Anh B đã trả cho Q số tiền gốc 14.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng chưa trả.

11. Anh Ngô Đức T3 vay 01 lần vào ngày 09/8/2025 số tiền vay là 3.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu được là 1.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 149.940 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.650.060 đồng. Anh T3 chưa trả số tiền gốc 3.000.000 đồng cho Q.

12. Anh Nguyễn Ngọc S vay 01 lần vào ngày 17/8/2025 số tiền 4.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu được là 2.400.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 199.920 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.200.080 đồng. Anh S chưa trả số tiền gốc 4.000.000 đồng cho Q.

13. Anh Nguyễn Văn P vay 01 lần vào ngày 17/8/2025, số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu được là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 249.900 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.750.100 đồng. Anh P chưa trả số tiền gốc 5.000.000 đồng cho Q.

14. Anh Nguyễn Xuân T4 vay 02 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1 ngày 18/8/2025: 5.000.000 đồng; lần 2 ngày 13/9/2025: 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu được là 3.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 249.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.751.000 đồng. Anh T4 đã trả cho Q số tiền gốc 5.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng chưa trả.

15. Anh Hồ H3 vay 01 lần vào ngày 17/8/2025, số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu được là 3.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 249.900 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.750.100 đồng. Anh H3 chưa trả số tiền gốc 5.000.000 đồng cho Q.

Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Như Q dùng để cho 15 người vay với 32 lần vay là: 120.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Nguyễn Như Q và Phan Văn M đã thu được là 63.699.820 đồng. Trong đó: Số lãi mà người vay đã trả trong hạn mức được pháp luật quy định là: 5.304.410 đồng; thu lợi bất chính 58.395.590 đồng. Nguyễn Như Q sử dụng số tiền thu lợi bất chính này để trả tiền lương cho Phan Văn M 03 tháng với số tiền là 21.000.000 đồng, số còn lại tiêu xài cá nhân.

- Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone 11 Promax, màu đen, số máy MWG22LL/A, số sê-ri G6TZJA3UN70C, bên trong có 01 (một) sim điện thoại có số 0905420607 của Nguyễn Như Q.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 Plus màu xanh dương, số máy MQ3W3LL/A, số sê-ri D456VRHHW1, bên trong có 01 (một) sim điện thoại có số “0988818471” của Phan Văn M.

+ 02 (hai) quyển sổ: trong đó 01 quyển sổ bìa có chữ “Tập ô ly cao cấp MĂNG NON”, các trang bên trong được đánh số từ 01 đến 8; 01 quyển sổ bìa có chữ “Class Ami”, các trang bên trong có đánh số từ 01 đến 15.

+ 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Phạm Hữu Đ (sinh năm 2002); 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Văn T2; 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Trịnh Văn Đ1 (sinh năm 2001); 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Ngọc S; 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Văn R; 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Ngọc H2; 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Phan Văn D; 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Đào T1 (sinh năm 1996); 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Xuân T4 (sinh năm 1995); 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Văn N (sinh năm 2004); 01 (Một) giấy mượn tiền mang

tên Hồ H3; 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Đặng Nhật Q1 (sinh năm 2005); 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Trịnh B (sinh năm 2005); 01 (Một) giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Văn P.

+ 05 (năm) căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn N, Nguyễn Xuân T4, Ngô Đức T3, Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Ngọc S.

+ Tiền Ngân hàng N1: 8.105.000 đồng (Tám triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng). Trong đó: Thu giữ của Nguyễn Như Q số tiền 5.405.000 đồng; thu giữ của Phan Văn M số tiền 2.700.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu Nguyễn Như Q và Phan Văn M trả lại số tiền vượt mức lãi suất.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSKV4 ngày 03/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Như Q và Phan Văn M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Như Q và Phan Văn M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Văn M và áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Như Q:

+ Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Như Q từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Như Q số tiền 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng, đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Q.

+ Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn M số tiền 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Như Q phải nộp lại số tiền dùng cho người khác vay lãi nặng là 120.000.000 đồng, tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu được của những người vay là 5.304.410 đồng; buộc bị cáo Q phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 58.395.590 đồng cho những người vay; buộc bị cáo M phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 21.000.000 đồng; Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế đã truy tố, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Như Q và Phan Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2025 đến ngày 01/12/2025, tại xã C - L, thành phố H; các bị cáo Nguyễn Như Q và Phan Văn M đã sử dụng số tiền 120.000.000 đồng cho 15 người vay tiền trong 32 lần vay, với lãi suất 20%/tháng (240%/năm), gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm, thu lợi bất chính số tiền 58.395.590 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Như Q và Phan Văn M đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội thì thấy rằng:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Do đó, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo Nguyễn Như Q là người bỏ tiền ra cho vay và thuê bị cáo Phan Văn M thực hiện việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên bị cáo Nguyễn Như Q phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo Phan Văn M giúp sức tích cực cho bị cáo Q tìm người vay, thu tiền vay.

Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trên địa bàn thành phố H nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý nghiêm để các bị cáo có điều kiện được giáo dục trở thành người công dân tốt cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo Nguyễn Như Q và Phan Văn M không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Như Q đang nuôi 03 con nhỏ dưới 15 tuổi, có hoàn cảnh khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không có tiền án tiền sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung. Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo mới có tính răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với 05 (năm) căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn N, Nguyễn Xuân T4, Ngô Đức T3, Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Ngọc S; Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý, trả lại cho anh Nguyễn Văn N, Nguyễn Xuân T4, Ngô Đức T3, Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Ngọc S, tại phiên tòa không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 11 Promax, màu đen bên trong có 01 sim điện thoại có số 0905420607 của bị cáo Nguyễn Như Q; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 Plus màu xanh dương, bên trong có 01 sim điện thoại có số “0988818471” của bị cáo Phan Văn M, đều là phương tiện, thiết bị liên lạc phục vụ cho hành vi phạm tội, có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 8.105.000 đồng, trong đó: Thu giữ của Nguyễn Như Q số tiền 5.405.000 đồng; thu giữ của Phan Văn M số tiền 2.700.000 đồng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với 02 (hai) quyển sổ: trong đó 01 quyển sổ bìa có chữ “Tập ô ly cao cấp MĂNG NON”, các trang bên trong được đánh số từ 01 đến 8; 01 quyển sổ bìa có chữ “Class Ami”, các trang bên trong có đánh số từ 01 đến 15 và các giấy mượn tiền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[7] Về biện pháp tư pháp, thấy rằng:

Đối với số tiền 120.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Như Q sử dụng để cho vay là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay số tiền này một số người vay chưa trả cho bị cáo nên cần buộc những người vay và bị cáo phải nộp lại để sung quỹ nhà nước. Trong đó, số tiền những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp là 91.000.000 đồng, buộc bị cáo phải nộp số tiền 29.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Đối với tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 5.304.410 đồng được xác định là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần buộc bị cáo Q phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 21.000.000 đồng mà Phan Văn M có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội cần buộc bị cáo M nộp lại để sung quỹ nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền thu lợi bất chính của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho họ.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Như Q và bị cáo Phan Văn M mỗi bị cáo phải án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như Q và bị cáo Phan Văn M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Như Q và Phan Văn M.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bổ sung Nguyễn Như Q số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn).

Xử phạt bị cáo Phan Văn M 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Như Q và bị cáo Phan Văn M.

Xử phạt bổ sung bị cáo Phan Văn M số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng chẵn).

Giao bị cáo Nguyễn Như Q và bị cáo Phan Văn M cho Ủy ban nhân dân xã C- L, thành phố H có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên xử:

Tịch thu, hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước đối với:

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone 11 Promax, màu đen, số máy MWG22LL/A, số sê-ri G6TZJA3UN70C, bên trong có 01 (một) sim điện thoại có số 0905420607 của bị cáo Nguyễn Như Q.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 Plus màu xanh dương, số máy MQ3W3LL/A, số sê-ri D456VRHHW1, bên trong có 01 (một) sim điện thoại có số “0988818471” của bị cáo Phan Văn M.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Huế.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Như Q phải nộp lại số tiền 34.304.410 đồng, (trong đó 29.000.000 đồng tiền cho vay, số tiền lãi thu được 5.304.410 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước).

Buộc bị cáo Phan Văn M nộp lại số tiền 21.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền vay để sung quỹ nhà nước. Cụ thể:

Buộc anh Nguyễn Ngọc H2 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng

Buộc anh Phạm Hữu Đ phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng

Buộc anh Phan Văn D phải nộp lại số tiền 17.000.000 đồng.

Buộc anh Đào T1 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn R phải nộp lại số tiền 8.000.000 đồng

Buộc anh Nguyễn Văn N phải nộp lại số tiền 7.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn T2 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc anh Trịnh Văn Đ1 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc anh Đặng Nhật Q1 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc anh Trịnh B phải nộp lại số tiền 2.000.000 đồng.

Buộc anh Ngô Đức T3 phải nộp lại số tiền 3.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Ngọc S phải nộp lại số tiền 4.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn P phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Xuân T4 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc anh Hồ H3 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.105.000 đồng, trong đó: Thu giữ của Nguyễn Như Q số tiền 5.405.000 đồng; thu giữ của Phan Văn M số tiền 2.700.000 đồng hiện đang bảo quản tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIII- Phòng G1, theo Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản ngày 07/10/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng giao dịch số 15 để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Như Q phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 58.395.590 đồng cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc H2 số tiền 1.833.400 đồng.

Trả lại cho anh Phạm Hữu Đ số tiền 4.950.180 đồng.

Trả lại cho anh Phan Văn Doanh S2 tiền 12.100.440 đồng.

Trả lại cho anh Đ2 T1 số tiền 1.283.380 đồng.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn R số tiền 4.216.820 đồng

Trả lại cho anh Nguyễn Văn N số tiền 6.601.140 đồng.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 5.958.550 đồng.

Trả lại cho anh Trịnh Văn Đ1 số tiền 2.750.100 đồng.

Trả lại cho anh Đặng Nhật Q1 số tiền 2.750.100 đồng.

Trả lại cho anh Trịnh B số tiền 3.850.140 đồng.

Trả lại cho anh Ngô Đức T3 số tiền 1.650.060 đồng.

Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc S số tiền 2.200.080 đồng.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn P số tiền 2.750.100 đồng.

Trả lại cho anh Nguyễn Xuân T4 số tiền 2.751.000 đồng.

Trả lại cho anh Hồ H3 số tiền 2.750.100 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo bị cáo Nguyễn Như Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.919.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Q phải chịu 3.119.800 đồng án phí.

Buộc bị cáo Phan Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4- Huế;
- Phòng Hồ sơ Công an TP Huế;
- Cơ quan THAHS Công an TP Huế;
- THADS TP Huế;
- Phòng THADS khu vực 4- Huế;
- Ủy ban nhân dân xã Chân Mây- Lăng Cô;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Phương Thảo